BUMATECH

Keo dán gạch • Chống thấm • Vữa khô • Hoá chất xây dựng

CATALOGUE DÒNG SẢN PHẨM · 2027



4.SLC DÒNG SẢN PHẨM

VỮA TỰ SAN PHẲNG

7 sản phẩm lớp lót và vữa tự san phẳng gốc xi măng theo **EN 13813:2002**

Lớp lót · Lớp nền 1 - 40mm · Lớp mặt hoàn thiện chịu mài mòn

BuMaPRIMER · BuMaLEVEL · SLU 210.16 · SLU 210.25 · SLU 210.35 · SLU 1040.35 · SLO 540.40

SINGAPORE GREEN BUILDING COUNCIL MEMBER

VGBC STANDARD MEMBER

BROCHURE VỮA TỰ SAN

HỒ SƠ NĂNG LỰC BUMATECH

ZALO OA

MỤC LỤC

Bìa — dòng 4.SLC Vữa tự san phẳng
7 sản phẩm · 4 vai trò · Mã QR tra cứu — 1

Mục lục và sơ đồ chọn nhanh
4 bước chọn đúng sản phẩm · 3 con số của dòng — 2

4 vai trò và so sánh nhanh
6 mã vữa · Tên mang sẵn thông số · Ký hiệu EN 13813:2002 — 3

Sản phẩm 01 - 04
BuMaPRIMER · BuMaLEVEL · SLU 210.16 · SLU 210.25 — 4

Sản phẩm 05 - 07
SLU 210.35 · SLU 1040.35 · SLO 540.40 · Mốc thời gian — 5

Chọn theo độ dày và yêu cầu nền
Dải độ dày · Phạm vi sử dụng · Chuẩn bị nền · Định mức nhanh — 6

Quy trình thi công 10 bước
Dụng cụ · 10 bước chuẩn · 3 lưu ý vàng — 7

Hệ giải pháp, an toàn và liên hệ
Các dòng đi kèm · 6 lưu ý an toàn · 3 địa chỉ — 8

7 SẢN PHẨM DÒNG 4.SLC

LỚP LÓT

- BuMaPRIMER

LỚP NỀN MỎNG

- BuMaLEVEL
- SLU 210.16
- SLU 210.25
- SLU 210.35

LỚP NỀN DÀY

- SLU 1040.35

LỚP PHỦ

- SLO 540.40

CHỌN ĐÚNG VỮA TRONG BỐN BƯỚC

Vữa tự san phẳng trộn sẵn tự dàn thành mặt phẳng đều — nền móng của mọi lớp hoàn thiện sàn.

01
Chênh cao cần bù
Đo chênh cao thực tế: đến 10mm dùng lớp nền mỏng; 10 - 40mm dùng **SLU 1040.35** hoặc **SLO 540.40**.

02
Lớp phía trên
Gạch, đá, thảm, PVC, vinyl, sàn cao su, sàn nâng, epoxy — hoặc để trần làm mặt sàn thì chọn **SLO 540.40**.

03
Cấp cường độ
Chọn theo cấp C trong phân loại EN 13813:2002 mà thiết kế yêu cầu — C16, C25, C35 hay C40.

04
Nền và lớp lót
Nền hút nước mạnh: quét, phun hoặc lăn **BuMaPRIMER** 2 - 3 lần trước khi đổ vữa.

7
SẢN PHẨM TRONG DÒNG
1 lớp lót
4 mã lớp nền mỏng 1 - 10mm
1 mã lớp nền dày 10 - 40mm
1 mã lớp phủ 5 - 40mm

C40
CẤP NÉN CAO NHẤT
Mã lớp phủ đạt ≥ 40,0MPa (C40) sau 28 ngày; mã thấp nhất đạt ≥ 16,0MPa (C16) — chọn theo cấp thiết kế yêu cầu.

~3 giờ
ĐI LẠI NHẸ
5 mã lớp nền và lớp phủ cho đi lại nhẹ sau ~3 giờ, thi công lớp hoàn thiện sau 6 - 24 giờ.

Toàn bộ số liệu trong tài liệu này lấy từ **Phiếu Dữ liệu Kỹ thuật (TDS) phiên bản 2026.10** đã ban hành của từng sản phẩm. Quét mã QR ở mỗi thẻ sản phẩm để mở đúng TDS bản mới nhất. Khi có sai khác giữa tài liệu này và TDS, **TDS là bản có hiệu lực.**

MỘT HỆ SÀN, BỐN VAI TRÒ



Lớp lót

BuMaPRIMER

Tăng bám dính, giảm độ hút nước của nền, hạn chế bọt khí — quét trước lớp vữa.



Lớp nền mỏng

BuMaLEVEL · SLU 210.16
SLU 210.25 · SLU 210.35

Làm phẳng sàn 1 - 10mm mỗi lớp trước khi lát gạch, dán PVC, vinyl, thảm, sàn nâng, epoxy.



Lớp nền dày

SLU 1040.35

Lớp 10 - 40mm trong một lần đổ, chịu uốn và bám dính cao (F10 - B1,0).



Lớp phủ

SLO 540.40

Lớp mặt hoàn thiện chịu mài mòn không cần phủ, hoặc làm lớp nền 5 - 40mm; tạo được hiệu ứng terrazzo.

SO SÁNH NHANH 6 MÃ VỮA TỰ SAN PHẲNG

Sản phẩm	Phân loại EN 13813:2002	Độ dày mỗi lớp	Nén 28 ngày · MPa	Uốn 28 ngày · MPa	Bám dính MPa	Lượng nước bao 20kg	Đi lại nhẹ sau	Taber 28 ngày (g)
BuMaLEVEL	CT-C35-F7-B0,5	1 - 10mm	≥ 35,0	≥ 7,0	≥ 0,5	4,0 - 4,2 lít	~6 giờ	≤ 0,2
SLU 210.16	CT-C16-F5-B0,5	2 - 10mm	≥ 16,0	≥ 5,0	≥ 0,5	4,6 lít	~3 giờ	≤ 5,0
SLU 210.25	CT-C25-F6-B0,5	2 - 10mm	≥ 25,0	≥ 6,0	≥ 0,5	4,6 lít	~3 giờ	≤ 4,0
SLU 210.35	CT-C35-F7-B0,5	2 - 10mm	≥ 35,0	≥ 7,0	≥ 0,7	4,6 lít	~3 giờ	≤ 3,0
SLU 1040.35	CT-C35-F10-B1,0	10 - 40mm	≥ 35,0	≥ 10,0	≥ 1,0	4,0 lít	~3 giờ	≤ 2,8
SLO 540.40	CT-C40-F10-B1,0	5 - 40mm	≥ 40,0	≥ 10,0	≥ 1,2	4,0 lít	~3 giờ	≤ 0,4

Nén, uốn theo BS EN 13892-2:2002 · Bám dính theo BS EN 13892-8:2002 · Kháng mài mòn Taber theo ASTM D4060-14 (số gam càng nhỏ càng ít mòn).
Mọi mã: Định mức ~1,70kg/m² cho độ dày 1mm · Độ chảy ≥ 125mm · Thời gian sử dụng sau trộn 10 phút ở 32°C · Nhiệt độ bề mặt 4 - 32°C.
BuMaPRIMER là lớp lót, không thuộc phân loại EN 13813:2002 — thông số ở thẻ trang 4.

TÊN SẢN PHẨM ĐÃ MANG SẴN THÔNG SỐ

SLU 210.16
Dày 2 - 10mm · Nén ≥ 16,0MPa (C16)

SLU 1040.35
Dày 10 - 40mm · Nén ≥ 35,0MPa (C35)

SLO 540.40
Dày 5 - 40mm · Nén ≥ 40,0MPa (C40)

Hai số trước dấu chấm là **dải độ dày mỗi lớp** (mm), hai số sau dấu chấm là **cấp cường độ chịu nén** C trong phân loại EN 13813:2002.
SLU là vữa tự san phẳng lớp nền, SLO là lớp phủ.

ĐỌC KÝ HIỆU PHÂN LOẠI THEO EN 13813:2002

CT
Vữa gốc xi măng

C
Cấp cường độ chịu nén, MPa

F
Cấp cường độ chịu uốn, MPa

B
Cấp cường độ bám dính, MPa

Ghép lại: **CT-C35-F7-B0,5** là vữa gốc xi măng, nén ≥ 35,0MPa, uốn ≥ 7,0MPa, bám dính ≥ 0,5MPa.
Hồ sơ thầu thường chỉ định theo ký hiệu thay vì tên thương mại — đối chiếu đủ ba cấp C · F · B.

LỚP LÓT VÀ LỚP NỀN MỎNG · 01 - 04



BuMaPRIMER

LỚP LÓT GỐC NHỰA TỔNG HỢP
GỐC NƯỚC · CHO HỆ VỮA TỰ SAN PHẲNG

Dung dịch gốc nước nền nhựa tổng hợp, xử lý bề mặt thạch cao, vữa và bê tông — tăng bám dính cho vữa tự san phẳng, vữa dán gạch và vữa tô; giảm độ hút nước của nền, hạn chế bọt khí.

0,1 - 0,2kg/m²	20 - 30phút	14 ± 1%	8,0 - 10,0
Định mức	Thời gian chờ khô	Hàm lượng rắn	Độ pH

05kg/can và 20kg/can · Màu: Trắng sữa · HSD 12 tháng

SỐ LỚP 1 lớp; nền hút nước mạnh 2 - 3 lớp

LỚP LÓT

Không thuộc phân loại
EN 13813:2002

Đạt chứng nhận không chứa chất hữu cơ bay hơi

Chỉ dùng trong nhà

CHI TIẾT



BuMaLEVEL

VỮA TỰ SAN PHẲNG GỐC XI MĂNG · ĐỘ DÀY 1 - 10mm

Vữa tự san phẳng gốc xi măng làm phẳng sàn bê tông, sàn cán vữa, nền gạch hoặc đá hiện hữu trước lớp hoàn thiện. Độ chảy cao, bơm hoặc thi công bằng bay; độ dày 1 - 10mm mỗi lớp.

≥ 35,0MPa	≥ 7,0MPa	≥ 0,5MPa	1 - 10mm
Nén 28 ngày	Uốn 28 ngày	Bám dính	Độ dày mỗi lớp

20kg/bao · Màu: Xám · HSD 06 tháng

LƯỢNG NƯỚC 4,0 - 4,2 lít/bao 20kg

ĐỊNH MỨC ~1,70kg/m² cho độ dày 1mm

PHÂN LOẠI EN 13813:2002

In compliance with EUROPEAN standard
EN 13813
CT - B0,5
C35 - F7
BUMATECH
Screed Material and Floor screed

CT-C35-F7-B0,5

CHI TIẾT



SLU 210.16

VỮA TỰ SAN PHẲNG LỚP NỀN · ĐỘ DÀY 2 - 10mm · KHÔ NHANH

Vữa tự san phẳng lớp nền, khô nhanh — làm phẳng sàn trước khi thi công PVC, vinyl, sàn cao su, thảm, sàn nâng, epoxy. Độ dày 2 - 10mm; chỉ dùng trong nhà.

≥ 16,0MPa	≥ 5,0MPa	≥ 0,5MPa	2 - 10mm
Nén 28 ngày	Uốn 28 ngày	Bám dính	Độ dày mỗi lớp

20kg/bao · Màu: Xám · HSD 06 tháng

LƯỢNG NƯỚC 4,6 lít/bao 20kg

ĐỊNH MỨC ~1,70kg/m² cho độ dày 1mm

PHÂN LOẠI EN 13813:2002

In compliance with EUROPEAN standard
EN 13813
CT - B0,5
C16 - F5
BUMATECH
Screed Material and Floor screed

CT-C16-F5-B0,5

CHI TIẾT



SLU 210.25

VỮA TỰ SAN PHẲNG LỚP NỀN · ĐỘ DÀY 2 - 10mm · KHÔ NHANH

Vữa tự san phẳng lớp nền, khô nhanh — cùng dải độ dày 2 - 10mm, cấp cường độ C25. Lớp nền cho gạch, đá, thảm, PVC, vinyl, sàn nâng, epoxy; chỉ dùng trong nhà.

≥ 25,0MPa	≥ 6,0MPa	≥ 0,5MPa	2 - 10mm
Nén 28 ngày	Uốn 28 ngày	Bám dính	Độ dày mỗi lớp

20kg/bao · Màu: Xám · HSD 06 tháng

LƯỢNG NƯỚC 4,6 lít/bao 20kg

ĐỊNH MỨC ~1,70kg/m² cho độ dày 1mm

PHÂN LOẠI EN 13813:2002

In compliance with EUROPEAN standard
EN 13813
CT - B0,5
C25 - F6
BUMATECH
Screed Material and Floor screed

CT-C25-F6-B0,5

CHI TIẾT

CƯỜNG ĐỘ CAO · LỚP DÀY · LỚP PHỦ · 05 - 07



SLU 210.35

VỮA TỰ SAN PHẲNG LỚP NỀN · ĐỘ DÀY 2 - 10mm · KHÔ NHANH

Vữa tự san phẳng lớp nền, khô nhanh — dải độ dày 2 - 10mm, cấp cường độ C35 và chịu uốn F7. Lớp nền cho gạch, đá, thảm, PVC, vinyl, sàn nâng, epoxy; chỉ dùng trong nhà.

≥ 35,0MPa	≥ 7,0MPa	≥ 0,7MPa	2 - 10mm
Nén 28 ngày	Uốn 28 ngày	Bám dính	Độ dày mỗi lớp

20kg/bao · Màu: Xám · HSD 06 tháng
LƯỢNG NƯỚC 4,6 lít/bao 20kg
ĐỊNH MỨC ~1,70kg/m² cho độ dày 1mm

PHÂN LOẠI EN 13813:2002



CT-C35-F7-B0,5

CHI TIẾT



SLU 1040.35

VỮA TỰ SAN PHẲNG LỚP NỀN DÀY · ĐỘ DÀY 10 - 40mm

Vữa tự san phẳng lớp nền dày — thi công được lớp 10 - 40mm trong một lần đổ, chịu uốn và bám dính cao (F10 - B1,0). Làm phẳng sàn trước lớp vật liệu hoàn thiện.

≥ 35,0MPa	≥ 10,0MPa	≥ 1,0MPa	10 - 40mm
Nén 28 ngày	Uốn 28 ngày	Bám dính	Độ dày mỗi lớp

20kg/bao · Màu: Xám · HSD 06 tháng
LƯỢNG NƯỚC 4,0 lít/bao 20kg
ĐỊNH MỨC ~1,70kg/m² cho độ dày 1mm

PHÂN LOẠI EN 13813:2002



CT-C35-F10-B1,0

CHI TIẾT



SLO 540.40

VỮA TỰ SAN PHẲNG LỚP PHỦ
ĐỘ DÀY 5 - 40mm · CHỊU MÀI MÒN

Vữa tự san phẳng lớp phủ dày 5 - 40mm: làm lớp mặt hoàn thiện chịu mài mòn không cần phủ vật liệu khác, hoặc làm lớp nền. Trộn thêm cốt liệu màu, thuỷ tinh màu để tạo hiệu ứng terrazzo, mài bóng khô sau 3 ngày.

≥ 40,0MPa	≥ 10,0MPa	≥ 1,2MPa	5 - 40mm
Nén 28 ngày	Uốn 28 ngày	Bám dính	Độ dày mỗi lớp

20kg/bao · Màu: Xám · HSD 06 tháng
LƯỢNG NƯỚC 4,0 lít/bao 20kg
ĐỊNH MỨC ~1,70kg/m² cho độ dày 1mm

PHÂN LOẠI EN 13813:2002



CT-C40-F10-B1,0

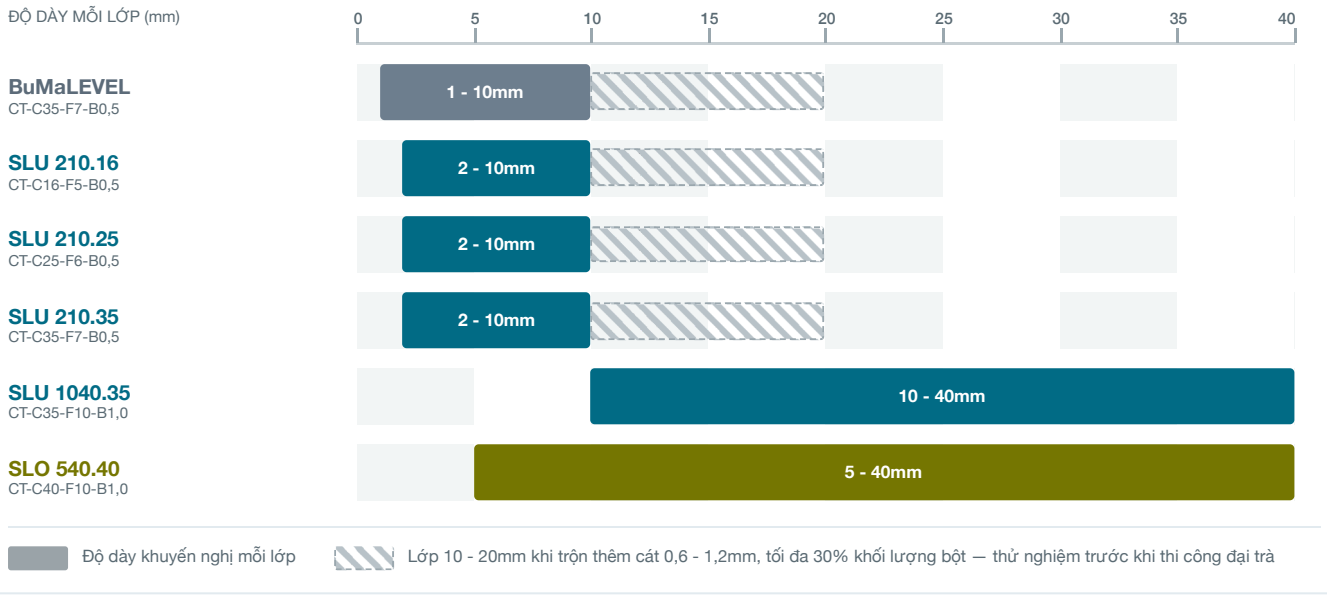
CHI TIẾT

MỐC THỜI GIAN — TÍNH TỪ LÚC TRỘN VÀ ĐỔ XONG

Sản phẩm	Thời gian sử dụng sau trộn	Cho phép đi lại nhẹ	Sẵn sàng sử dụng	Hạn sử dụng
BuMaLEVEL	10 phút ở 32°C	~6 giờ	24 - 72 giờ	06 tháng
SLU 210.16	10 phút ở 32°C	~3 giờ	6 - 24 giờ	06 tháng
SLU 210.25	10 phút ở 32°C	~3 giờ	6 - 24 giờ	06 tháng
SLU 210.35	10 phút ở 32°C	~3 giờ	6 - 24 giờ	06 tháng
SLU 1040.35	10 phút ở 32°C	~3 giờ	6 - 24 giờ	06 tháng
SLO 540.40	10 phút ở 32°C	~3 giờ	6 - 24 giờ	06 tháng

BuMaPRIMER: Chờ lớp lót khô 20 - 30 phút tuỳ điều kiện công trường rồi mới thi công lớp vữa.
3 mã **SLU 210.16** · **SLU 210.25** · **SLU 210.35** cùng dải độ dày, cùng lượng nước và cùng mốc thời gian — khác nhau ở cấp C · F · B.

CHỌN THEO ĐỘ DÀY CẦN BÙ



PHẠM VI SỬ DỤNG

Lớp hoàn thiện phía trên
Gạch, đá, thảm, PVC, vinyl, sàn cao su, sàn nâng, epoxy.
SLO 540.40 dùng được làm lớp mặt hoàn thiện chịu mài mòn, không cần phủ.

Bề mặt nền
Bê tông · Vữa cán phẳng gốc xi măng
Sàn có hệ thống sưởi ấm · Gạch terrazzo
Gạch men và đá tự nhiên hiện hữu

Khu vực
Cả 7 sản phẩm chỉ sử dụng cho khu vực trong nhà.

CHUẨN BỊ NỀN — CHUNG CHO 6 MÃ VỮA

Bê tông	Cứng chắc, sạch bụi bẩn, dầu mỡ, hợp chất bảo dưỡng Tạo nhám cơ học CSP 2 - 3 theo ICRI 310.2R-2013 Bám dính nền ≥ 0,5MPa theo ASTM C1583/C1583M-25
Vữa cán	Cứng chắc, sạch Cường độ bám dính tối thiểu 0,5MPa theo ASTM C1583/C1583M-25
Vết nứt	Bơm sửa bằng sản phẩm epoxy BUMA-SP Bond 81 trước khi thi công
Nền hút nước mạnh	Quét, phun hoặc lăn **BuMaPRIMER** 2 - 3 lần
Gạch, đá hiện hữu	Bám chắc vào nền ≥ 0,5MPa, không đạt thì đục bỏ Tạo nhám, rửa sạch, để khô, rồi thi công lớp kết nối bằng bả **BuMaFLEX**

ĐỊNH MỨC NHANH — MỘT BAO 20kg ĐỔ ĐƯỢC

2mm	3mm	5mm	10mm	20mm	40mm
5,8m²	3,9m²	2,3m²	1,1m²	0,5m²	0,2m²

Tính từ định mức ~1,70kg/m² cho độ dày 1mm, làm tròn xuống, chưa tính hao hụt.
BuMaPRIMER: 0,1 - 0,2kg/m², tuỳ tính chất bề mặt — tức 5 - 10m² mỗi kg cho một lượt.

BỐN KHUYẾN CÁO

Không trộn thêm vật liệu
Không trộn thêm xi măng hoặc bất kỳ phụ gia nào khác. Riêng **SLO 540.40**: được trộn cát 3 - 5mm, đá, cốt liệu màu, thuỷ tinh màu để tạo hiệu ứng terrazzo.

Không dư nước
Không dùng lượng nước vượt quá tỉ lệ quy định — nước dư làm giảm cường độ và độ bám dính của vữa.

Đúng dải nhiệt độ
Không thi công khi bề mặt dưới 4°C hoặc trên 32°C, hoặc không khí có thể xuống dưới 10°C.

Đúng độ dày, đủ thời gian
Lớp nền mỏng tối đa 10mm mỗi lớp; không lưu thông hoặc hoàn thiện sớm hơn khuyến nghị.

MƯỜI BƯỚC THI CÔNG VỮA TỰ SAN PHẲNG

Ảnh minh hoạ với **SLU 210.16** — thao tác chung cho 6 mã vữa. Mã khác: đối chiếu lượng nước mỗi bao ở bảng trang 3.



B1

Kiểm tra · Tạo nhám · Hút bụi

Nền cứng chắc; tạo nhám cơ học CSP 2 - 3, hút sạch bụi bẩn.



B2

Lót BuMaPRIMER

Nền hút nước mạnh: quét, phun hoặc lăn lót 2 - 3 lần.



B3

Đong nước đúng tỉ lệ

Đong **4,6 lít/bao 20kg** nước sạch vào thùng trộn sạch.



B4

Đổ bao vào nước

Đổ từ từ 01 bao 20kg vào thùng, trộn đều trong quá trình đổ.



B5

Trộn · Nghỉ · Trộn lại

Máy ~300 vòng/phút khoảng 2 phút; để vữa phản ứng 1 phút rồi trộn lại.



B6

Đổ vữa ra sàn

Đổ vữa qua máng ra sàn; mẻ đã trộn thi công hết trong 10 phút.



B7

Bàn cào dàn đều

Mang giày đinh, kéo bàn cào răng dàn vữa đều khắp mặt sàn.



B8

Bay phẳng nối mẻ

Dùng bay phẳng lớn nối các mẻ đổ liền mạch.



B9

Rulô gai phá bọt

Lăn rulô gai phá bọt khí cho mặt vữa liền mịn.



B10

Bảo dưỡng

Đi lại nhẹ sau ~3 giờ; thi công lớp hoàn thiện sau 6 - 24 giờ.

DỤNG CỤ CHUẨN BỊ

Máy mài tạo nhám · Máy hút bụi · Ca đong nước · Thùng trộn · Máy khuấy · Bay hồ · Bàn cào răng · Bay phẳng lớn · Rulô gai · Giày đinh

Không pha quá lượng nước quy định
Nước dư làm giảm cường độ và độ bám dính của vữa.

Thi công hết mẻ trong 10 phút
Không trộn quá 2 bao một lần; số lượng lớn dùng máy trộn chuyên dụng.

Chờ đủ thời gian trước khi hoàn thiện
Không lưu thông hoặc thi công lớp hoàn thiện sớm hơn khuyến nghị — tránh bong tróc, nứt bề mặt.

THỜI GIAN THAO TÁC THEO TỪNG MÃ

Sản phẩm	Giữ độ chảy ASTM C1708-19	Hàn lấp vệt đổ ASTM C1708-19	Sử dụng sau trộn (pot life)	Đi lại trên bề mặt
BuMaLEVEL	~30 phút	~10 phút	~10 phút	~6 giờ (dày 3mm)
SLU 210.16	~15 phút	~05 phút	~10 phút	~3 giờ (dày 3 - 5mm)
SLU 210.25	~15 phút	~05 phút	~10 phút	~3 giờ (dày 3 - 5mm)
SLU 210.35	~10 phút	~05 phút	~10 phút	~3 giờ (dày 3 - 5mm)
SLU 1040.35	~20 phút	~10 phút	~10 phút	~3 giờ (dày 10 - 20mm)
SLO 540.40	~30 phút	~10 phút	~10 phút	~3 giờ (dày 5 - 10mm)

BUMATECH
Keo dán gạch • Chống thấm • Vữa khô • Hoá chất xây dựng

CATALOGUE DÒNG SẢN PHẨM · 2027

BUILD BETTER · LIVE GREENER

HỆ GIẢI PHÁP ĐỒNG BỘ

5.MOTA · VỮA XÂY DỰNG
Cán nền (screed) bằng vữa khô mác Sc trước khi tự san phẳng — **Sc 100** đến **Sc 600**.

3.WP · CHỐNG THẤM
Chống thấm sàn nhà vệ sinh trước lớp hoàn thiện — **K11F**, **FLEX WP 2K**, **BuMaLASTIC**.

1.TA · KEO DÁN GẠCH
Lát gạch lên mặt sàn đã tự san phẳng — **BuMaFIX**, **BuMaECO**.
Nền gạch cũ: lớp kết nối bằng bả **BuMaFLEX**.

2.TG · KEO CHÀ RON
Chà ron sau khi dán gạch — **CeRaCOLOR**, **CeRaCOLOR USG**, **CeRaPOXY TG**.

DANH MỤC 7 SẢN PHẨM CỦA DÒNG

Ký hiệu là phân loại EN 13813:2002 của từng mã

BuMaPRIMER Lớp lót	**BuMaLEVEL** CT-C35-F7-B0,5	**SLU 210.16** CT-C16-F5-B0,5	**SLU 210.25** CT-C25-F6-B0,5
SLU 210.35 CT-C35-F7-B0,5	**SLU 1040.35** CT-C35-F10-B1,0	**SLO 540.40** CT-C40-F10-B1,0	

SÁU LƯU Ý AN TOÀN — ÁP CHO TOÀN DÒNG

Da và mắt
Vữa chứa xi măng có tính kiềm, có thể gây kích ứng da, bỏng nhẹ hoặc dị ứng; xi măng khô hoặc ướt đều có thể gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt.

Văng vào mắt
Rửa ngay dưới vòi nước sạch chảy nhẹ 10 - 15 phút, không dụi mắt; đau rát kéo dài thì đến cơ sở y tế gần nhất.

Bảo hộ
Găng tay · Kính bảo hộ mắt và khẩu trang chống bụi mịn khi trộn · Quần áo bảo hộ.

Môi trường thi công
Nơi thông thoáng gió; tránh không gian kín, trẻ em và vật nuôi; tránh hít bụi xi măng khi trộn.

Vật liệu thừa
Cột kín bao bì sau khi dùng; không đổ vật liệu thừa xuống cống — có thể gây nghẹt; để khô, xử lý như rác xây dựng.

Lớp lót và SDS
Lót phun bằng máy: tránh hít hơi sương, không hướng đầu phun về phía người. Tra SDS mới nhất tại website BUMATECH.

SINGAPORE GREEN BUILDING COUNCIL MEMBER

VGBC STANDARD MEMBER

Chứng nhận cấp công ty — thành viên SGBC và VGBC

Thông số trong tài liệu được xác lập từ thử nghiệm phòng thí nghiệm ở điều kiện tiêu chuẩn; giá trị thực tế thay đổi theo nhiệt độ, độ ẩm, vật liệu đi kèm, phương pháp và tay nghề thi công. Người sử dụng có trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp với mục đích sử dụng thực tế. BUMATECH bảo lưu quyền cập nhật thông tin kỹ thuật không cần báo trước — kiểm tra phiên bản TDS mới nhất trên website trước mỗi dự án.

TRỤ SỞ CHÍNH
154/1/5 Cống Lở,
P. Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh

VĂN PHÒNG
91 Hoàng Bật Đạt,
P. Tân Sơn, TP. Hồ Chí Minh

NHÀ MÁY
820 Ấp Chánh, Xã Đức Lập,
Tỉnh Tây Ninh

BROCHURE VỮA TỰ SAN

HỒ SƠ NĂNG LỰC BUMATECH

ZALO OA

Hotline 0979 793 804 · Dự án 0914 765 778

BUMATECH.VN

SELF-LEVELLING · EN 13813:2002